



Tp Vinh, ngày 16 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2015-2019**

-Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư 492 tại Điều 37 và 38 Điều lệ Công ty.  
Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban trong nhiệm kỳ 2015-2019 vừa qua như sau:

**I. Về nhân sự:**

Trong nhiệm kỳ 2015 – 2019 nhân sự của BKS gồm:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| 1. Ông: Nguyễn Đình Nông.  | Trưởng Ban |
| 2. Ông: Nguyễn Chí Thông:. | Ban viên   |
| 3. Ông: Lê Linh.           | Ban viên   |

**II. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong nhiệm kỳ 2015-2019:**

1. Hàng năm Ban đã lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ theo qui định của pháp luật.

2. Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của của Hội đồng Quản trị(HĐQT) và Ban điều hành, đội sản xuất, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm theo nghị quyết của đại hội đồng Cổ đông

3. Giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

4. Thực hiện các công việc Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu để đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh của Công ty thuận lợi và nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông và công chúng đầu tư đúng quy định.

5. Đã thẩm tra bản báo cáo SXKD sáu tháng, một năm; báo cáo tài chính quý, sáu tháng, thẩm định báo cáo tài chính trong suốt cả nhiệm kỳ của Công ty; cùng với báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo sản xuất kinh doanh của Giám đốc, báo cáo tài chính của Phòng Tài chính kế toán trong năm. Để các bản báo cáo đảm bảo tính trung thực khách quan.

6. Ban kiểm soát đã tham gia giám sát, kiểm tra cùng các bộ phận chuyên môn; kiểm tra sổ sách và các tài liệu về: Hồ sơ kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, công tác quản lý thiết bị, vật tư thi công, vật tư luận chuyên, vật tư tồn kho, điều hành sản xuất ở các đội và trụ sở Công ty :

7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn đặt cao lợi ích của đơn vị, Cổ đông, Nhà đầu tư lên hàng đầu;

8. Ban kiểm soát đã tham gia làm việc cùng đoàn Kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính Công ty hàng năm .

9. Các thành viên của BKS đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Trong công tác luôn trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, Cổ đông. Trong năm không có thành viên nào của BKS vi phạm Điều lệ và quy định của pháp luật Nhà nước; không có cổ đông nào khiếu kiện trong việc đầu tư và hoạt động của C92.

10.- Trong mối quan hệ giữa HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và Cổ đông thực hiện đúng Điều lệ và quy chế.

### III. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát.

#### 1. Về tình hình sản xuất kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh nhiệm kỳ năm 5 (2015-2019):

*DVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu và thu nhập khác	347.533	377.244	197.706	159.498	86.691
2	Lợi nhuận trước thuế	8.476	2.772	678	528	-5.121
3	Nộp ngân sách	9.347	5.213	8.115	6.893	9.092
4	Đầu tư tài sản	15.095	2.366	0	2.727	501
5	Tỷ lệ trả cổ tức %	12	4	0	0	0
6	Thu nhập bình Quân người lao động	9.030	8.530	8.560	8.3450	8.500

#### IV. 3. Những tồn tại trong nhiệm kỳ vừa qua :

Trong công tác quản lý khoán, điều chuyển, quản lý vật tư luân chuyển, thiết bị, quyết toán công trình đôi lúc chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến công việc sản xuất;

- Đa số thành viên HĐQT, BKS là thành viên kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### V. Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ 2015 - 2019 tuân thủ đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2015- 2019 và phương- hướng nhiệm kỳ 2020 – 2025

Kính thưa Đại hội.

Trên đây là báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2015-2019, kính trình Đại hội xem xét thông qua. Thay mặt BKS cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ cho Ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình trong suốt nhiệm kỳ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

  
Nguyễn Đình Nông

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN**

Hôm nay ngày tháng 04 năm 2020, chúng tôi gồm:

- |                         |            |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Đình Nông | Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Chí Thông | Ủy viên    |
| 3. Ông Lê Linh          | Ủy viên    |

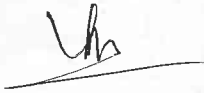
(Đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC))

Chi tiêu	Mã số	1/1/2019	31/12/2019	Số liệu đã được thẩm định đến 31/12/2019
<b>TÀI SẢN</b>		01/01/2019	31/12/2019	31/12/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>261,988,669,320</b>	<b>315,837,803,998</b>	<b>315,837,803,998</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>16,154,919,283</b>	<b>17,950,169,753</b>	<b>17,950,169,753</b>
1. Tiền	111	16,154,919,283	17,950,169,753	17,950,169,753
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	-	-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>113,956,927,867</b>	<b>111,746,953,548</b>	<b>111,746,953,548</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	99,004,606,242	91,690,759,164	91,690,759,164
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7,839,390,553	10,145,630,669	10,145,630,669
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8,823,480,856	11,621,113,499	11,621,113,499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1,710,549,784)	(1,710,549,784)	(1,710,549,784)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>130,190,772,095</b>	<b>180,289,649,405</b>	<b>180,289,649,405</b>
1. Hàng tồn kho	141	130,190,772,095	180,289,649,405	180,289,649,405
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1,686,050,075</b>	<b>5,851,031,292</b>	<b>5,851,031,292</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1,686,050,075	5,851,031,292	5,851,031,292
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>33,962,578,228</b>	<b>27,481,707,010</b>	<b>27,481,707,010</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	-	-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>26,364,528,174</b>	<b>22,702,994,086</b>	<b>22,702,994,086</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	26,364,528,174	22,702,994,086	22,702,994,086
- Nguyên giá	222	124,316,293,260	124,817,234,169	124,817,234,169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(97,951,765,086)	(120,114,240,083)	(120,114,240,083)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	-	-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>7,598,050,054</b>	<b>4,778,712,924</b>	<b>4,778,712,924</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7,384,563,411	4,565,226,281	4,565,226,281
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	213,486,643	213,486,643	213,486,643
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100+200 )</b>	<b>270</b>	<b>295,951,247,548</b>	<b>343,319,511,008</b>	<b>343,319,511,008</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ .</b>	<b>300</b>	<b>231,598,139,261</b>	<b>284,305,975,824</b>	<b>284,305,975,824</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>223,575,985,806</b>	<b>280,386,822,369</b>	<b>280,386,822,369</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	62,099,263,259	50,312,238,038	50,312,238,038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	39,907,258,981	84,323,578,475	84,323,578,475
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	222,885,297	371,895,086	371,895,086
4. Phải trả người lao động	314	6,299,344,521	1,067,527,578	1,067,527,578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3,214,730,635	2,487,124,755	2,487,124,755
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17,065,755,822	16,267,733,705	16,267,733,705
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	93,336,061,628	124,474,087,996	124,474,087,996
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	348,048,927		
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1,082,636,736	1,082,636,736	1,082,636,736
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>8,022,153,455</b>	<b>3,919,153,455</b>	<b>36,372,055</b>

Chỉ tiêu	Mã số	1/1/2019	31/12/2019	Số liệu đã được thẩm định đến 31/12/2019
2. Phải trả dài hạn khác	337	36,372,055	36,372,055	36,372,055
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4,103,000,000		
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	3,882,781,400	3,882,781,400	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>64,353,108,287</b>	<b>59,013,535,184</b>	<b>59,013,535,184</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>64,353,108,287</b>	<b>59,013,535,184</b>	<b>59,013,535,184</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	53,129,200,000	53,129,200,000	53,129,200,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	53,129,200,000	53,129,200,000	53,129,200,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	1,655,023,967	1,655,023,967	1,655,023,967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9,568,884,320	4,229,311,217	4,229,311,217
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>	9,232,617,955	9,353,213,678	9,353,213,678
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>	336,266,365	(5,123,902,461)	(5,123,902,461)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300+400 )</b>	<b>440</b>	<b>295,951,247,548</b>	<b>343,319,511,008</b>	<b>343,319,511,008</b>

Ủy viên ban kiểm soát

Trưởng ban kiểm soát



Nguyễn Chí Thông



Lê Linh



Nguyễn Đình Nông

